

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 52/2018/DSST

Ngày 19/07/2018

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.

- Bà Phạm Thị Thế Bằng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2018/TLST – DS ngày 05 tháng 04 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐST – DS ngày 27/06/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị S**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện P, Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện P, Tiền Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện P, Tiền Giang.

- Anh **Hà Hữu T1**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện P, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Võ Thị S trình bày: Anh T có vay tiền của chị S nhiều lần đến ngày 20/11/2016 (âm lịch), hai bên ngồi đối chiếu thì anh T còn nợ chị Sững số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), anh T có làm biên nhận và hẹn một tháng sẽ trả đủ, lãi suất thỏa thuận là 06% trên tháng. Anh T đóng được một tháng tiền lãi là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) cho anh T1 là chồng chị S nhận. Số tiền vốn vay đến nay đã quá hạn chị S đòi nhiều lần nhưng anh T không trả.

Nay chị S yêu cầu anh Lê Thanh T trả cho chị số tiền vốn vay là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Lê Thanh T trình bày: Anh T thừa nhận có vay tiền của chị S nhưng số tiền chỉ là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Anh T thừa nhận có ký và viết tên Lê Thanh T trong biên nhận ngày 20/11/2016 (âm lịch). Anh T1 chồng chị S đưa cho anh T tờ giấy trắng, anh T1 nói anh T ký đi anh T1 về tổng kết xem bao nhiêu tiền rồi ghi vào, do chỗ bạn bè tin tưởng nên anh T mới ký, sau đó chị S tự ghi vào số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Mẹ anh T là bà X có trả thay cho anh T 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), anh T1 là người nhận số tiền trên. Hiện tại, anh T chỉ còn nợ tiền vốn vay của chị S 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Anh T xin trả dần cho chị S mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), trả lần đầu vào ngày 01/08/2018 đến khi xong số nợ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà X không biết việc anh T vay tiền của chị S, khi anh T1 qua nhà đòi bà X mới biết anh T còn nợ của chị S 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Bà X có trả nợ thay cho anh T như sau: lần 01 ngày 20/01/2017 (âm lịch) trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) do anh T1 nhận; lần 02 ngày 12/7/2017 (âm lịch) trả 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) do anh T1 nhận. Do tình làng nghĩa xóm tin tưởng, cả hai lần anh T1 nhận tiền bà X đều không có yêu cầu anh T1 viết biên nhận cũng không có người làm chứng. Sau đó bà X và anh T xin chị S cho trả số tiền vốn còn lại là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) nhưng chị S không đồng ý mà yêu cầu trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nếu không sẽ kiện anh T với số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hà Hữu T1 trình bày: Từ trước đến nay anh T1 chỉ có nhận từ anh T số tiền lãi là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) ngoài ra anh T1 không nhận bất cứ khoản tiền nào từ mẹ của anh T là bà X.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị S là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị S thuộc tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn anh Lê Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã H, huyện P, Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Anh Hà Hữu T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Hà Hữu T1.

[4] Chứng cứ chị S đưa ra để yêu cầu anh Lê Thanh T trả số tiền vốn vay 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) gồm: 01 biên nhận tiền ngày 20/11/2016 âm lịch (BL 05).

[5] Chứng cứ anh Lê Thanh T đưa ra để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình: 01 bản tự khai; 01 biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị X.

[6] Xét đối với yêu cầu đòi số tiền vốn vay thấy chị S cung cấp được biên nhận mượn tiền ngày 20/11/2016 (âm lịch) có chữ ký và chữ viết họ tên của anh Lê Thanh T được anh Lê Thanh T thừa nhận có ký và viết họ tên Lê Thanh T (bút lục 05). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, chị S không phải chứng minh về số tiền vay. Anh T cho rằng chỉ nợ chị S 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), anh ký vào giấy trắng để anh T1 về tính lại số tiền rồi ghi vào do chỗ bạn bè tin tưởng nên anh T mới ký nhưng việc này không được anh T1 đồng ý và anh T cũng không có người làm chứng cho sự việc trên nên lời khai của anh T là không có cơ sở. Bà X cho rằng đã trả cho chị S thay cho anh T 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) anh T1 là chồng chị S cũng nhận thay nhưng anh T1 không thừa nhận. Bà X không cung cấp được biên nhận nhận tiền do anh T1 ký nhận và cũng không có người làm chứng nên lời khai của bà X là không có cơ sở. Theo thỏa thuận giữa anh T và chị S thì sau một tháng kể từ ngày viết biên nhận 20/11/2016 (âm lịch) anh T phải trả đủ 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) nhưng anh T không thực hiện đến nay đã quá hạn trả tiền nên anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Chị S yêu cầu anh Lê Thanh T trả số tiền vốn vay là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ.

[7] Xét việc anh T xin trả dần không được chị S đồng ý, hơn nữa anh T vay tiền của chị S đã quá hạn trả hơn một năm nay xin trả dần kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị S nên không có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét đối với số tiền lãi chị S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Anh Lê Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Chị Võ Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho chị S tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 463; Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị S đối với anh Lê Thanh T.

Buộc anh Lê Thanh T trả cho chị Võ Thị S số tiền vốn vay là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Võ Thị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Thanh T không trả số tiền nêu trên thì anh T còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí:* Anh Lê Thanh T phải chịu 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho chị S 1.750.000đ (một triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19216 ngày 05/04/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

3. *Về kháng cáo:* Chị Võ Thị S, anh Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với anh Hà Hữu T1 thời hạn kháng cáo là 15 ngày tròn tính từ ngày tòa tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Tính